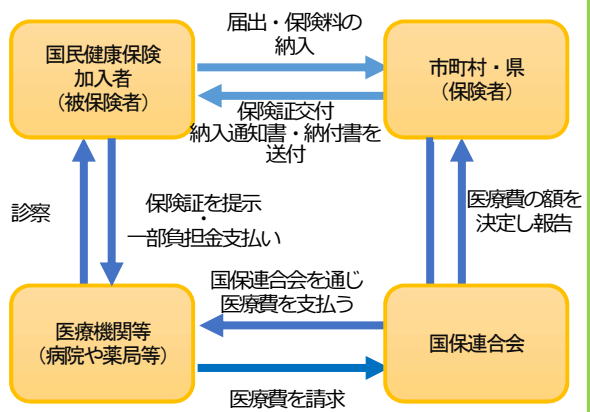




国民健康保険（こくほ）のしくみ

I. 国民健康保険（こくほ）とは

国民健康保険とは、病気やケガをしたときに安心して医療を受けることができるよう、加入者が普段から保険料（税）を納め医療費の負担を支えあう、助け合いの制度です。
都道府県と市町村が協力して運営しています。



II. 国民健康保険（こくほ）に加入する方

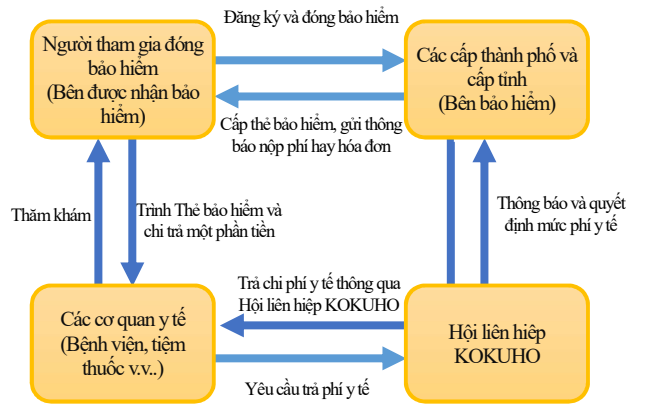
日本では、すべての人が何らかの医療保険に加入することになっています。
住民票に記載された外国人の方も、以下の①～⑥の方を除き、すべての人が国民健康保険に加入しなければなりません。

- ① 職場などの公的医療保険に加入している方、またはその扶養家族の方
- ② 生活保護を受けている方
- ③ 75歳以上の方
(後期高齢者医療制度の適用となります)
- ④ 在留資格が「特定活動」で、医療を受ける方、またはその方の日常生活上の世話をする方
- ⑤ 在留資格が「特定活動」で、観光や保養等を目的とし、1年を超えない期間、日本に滞在する方と、その方に同行する配偶者
- ⑥ 日本と社会保障協定が締結されている国の社会保障制度に加入していた、協定国の政府から「適用証明書」の公布を受けている方

Cơ cấu bảo hiểm sức khỏe quốc dân (KOKUHO)

I. Bảo hiểm sức khỏe quốc dân (KOKUHO) là gì?

Bảo hiểm sức khỏe quốc dân là chế độ đảm bảo bù đắp hay hỗ trợ chi phí y tế cho những người tham gia đóng bảo hiểm, sao cho họ có thể an tâm nhận sự chăm sóc y tế khi bị bệnh hay bị thương.
Cấp tỉnh và thành phố cùng hợp tác và quản lí.



II. Người tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân (KOKUHO)

Ở Nhật Bản, tất cả mọi người đều phải tham bảo hiểm y tế.
Người nước ngoài có tên trên phiếu cư trú thì trừ 6 trường hợp sau, tất cả mọi người đều phải tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- ① Người đang tham gia bảo hiểm y tế công như là của nơi làm việc và những người trong gia đình lệ thuộc vào người đó
- ② Người đang nhận sự chăm sóc sinh hoạt
- ③ Người trên 75 tuổi
(Sẽ áp dụng chế độ y tế dành cho người cao tuổi hậu kỳ)
- ④ Người nhận y tế với tư cách lưu trú là hoạt động đặc định hoặc người chăm sóc cuộc sống thường ngày của người đó.
- ⑤ Người có tư cách lưu trú là hoạt động đặc định thời hạn dưới 1 năm với mục đích du lịch hoặc thăm nuôi và vợ/chồng/con của người đó.
- ⑥ Người tham chế độ bảo hiểm xã hội của quốc gia mà Nhật Bản và Hiệp hội bảo hiểm xã hội có liên kết và nhận được giấy chứng minh hợp lệ từ chính phủ của nước tham gia hiệp định.





III. 国民健康保険（こくほ）に 加入するとき、やめるとき

次の場合で、国民健康保険に加入するとき、やめるときなどは、市町村の国民健康保険担当窓口への届出が必要です。

必ず14日以内に届出をしましょう。

1. 加入するとき

- ① 転入してきたとき
(職場などの健康保険に加入していない場合)
- ② 職場の健康保険をやめたとき
- ③ 職場の健康保険の被扶養者から外れたとき
- ④ 生活保護を受けなくなったとき
- ⑤ 子供が生まれたとき

2. やめるとき

- ① 転出するとき
- ② 職場の健康保険に加入したとき
- ③ 職場の健康保険の被扶養者になったとき
- ④ 生活保護を受け始めたとき
- ⑤ 死亡したとき

3. その他 届出が必要な場合

- ① 市町村内で住所が変わったとき
- ② 世帯主や氏名が変わったとき
- ③ 修学のため、別の市町村に住所を移したとき
- ④ 保険証をなくしたときや、汚れて使えなくなったとき

III. Khi tham gia hoặc ngừng tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân (KOKUHO)

Ở những trường hợp sau, khi tham gia hay ngừng tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân thì phải thông báo đến quầy chịu trách nhiệm bảo hiểm sức khỏe quốc dân tại các cấp thành phố.

Phải thông báo trong vòng 14 ngày

1. Tham gia

- ① Khi chuyển đến
(Trường hợp không tham gia bảo hiểm nơi làm việc)
- ② Khi ngưng tham gia bảo hiểm nơi làm việc
- ③ Khi rời khỏi “Người lệ thuộc vào bảo hiểm nơi làm việc”
- ④ Khi không còn được nhận sự chăm sóc sinh hoạt
- ⑤ Khi sinh con

2. Khi ngưng tham gia

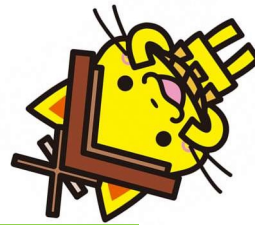
- ① Khi chuyển đi
- ② Khi tham gia vào bảo hiểm tại nơi làm việc
- ③ Khi trở thành “Người lệ thuộc vào bảo hiểm nơi làm việc”
- ④ Khi bắt đầu nhận sự chăm sóc sinh hoạt
- ⑤ Khi chết

3. Những trường hợp cần thông báo khác

- ① Chuyển chỗ ở sang thành phố khác
- ② Khi đổi chủ hộ gia đình hoặc đổi tên
- ③ Khi thay đổi địa chỉ sống sang thành phố khác do đi học
- ④ Khi làm mất thẻ bảo hiểm hoặc không sử dụng được do bị bản

Memo





IV. 保険証

保険証（国民健康保険被保険者証）は、国民健康保険加入の証明書で、医療を受けるときに必要です。大切に保管しましょう。

- ① 国民健康保険に加入すると、1人に1枚の保険証が交付されます。保険証を受け取ったら、記載内容に誤りがないかご確認ください。
- ② 医療機関等を受診するときは、受付で必ず保険証を提示してください。
- ③ コピーや、有効期限を過ぎた保険証は使えません。
- ④ 保険証の記載内容を自分で書き直したり、貸し借りをすることは禁じられています。
- ⑤ 保険証をなくしたり、破損したときは、市町村の国保担当窓口で再交付の手続きを行ってください。

V. 国民健康保険料（税）

保険料（税）は、国からの補助金などとともに、国民健康保険を支えている大切な財源です。必ず納期限までに納めましょう。

1. 保険料（税）の計算

保険料は、毎年4月から翌年3月までの1年間を単位として、その世帯の4月1日時点に加入している方の人数、前年中の所得、年齢に基づき計算します。

年度の途中で加入した場合や、やめた場合は月割りで計算します。

2. 保険料（税）の軽減措置

会社の倒産や解雇などで失業してしまった場合や、同じ世帯の加入者が後期高齢者医療制度に移行した場合は、保険料が軽減される場合があります。

国民健康保険担当窓口にお問い合わせください。

3. 保険料（税）の納付が難しいとき

特別な事情により保険料（税）の納付が困難なときは、申請により分割納付などもできます。

早めに国民健康保険担当窓口までご相談ください。

IV. Thẻ bảo hiểm

Thẻ bảo hiểm (thẻ chứng nhận là bên nhận bảo hiểm) là vật chứng minh tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc dân và vật quan trọng khi nhận thăm khám bệnh.

- ① Khi tham gia bảo hiểm thì mỗi người sẽ nhận được 1 thẻ bảo hiểm. Khi nhận thẻ bảo hiểm, xin vui lòng xác nhận thông tin trên thẻ có đúng không.
- ② Khi khám bệnh tại các cơ quan y tế, xin vui lòng cho nhân viên xem thẻ bảo hiểm.
- ③ Thẻ bảo hiểm copy hoặc thẻ hết hạn sử dụng sẽ không sử dụng được.
- ④ Nghiêm cấm hành vi tự ý thay đổi tên trên thẻ hoặc mượn hay cho mượn thẻ.
- ⑤ Khi làm mất hay làm hỏng thẻ bảo hiểm thì xin vui lòng làm thủ tục cấp lại thẻ tại các quầy bảo hiểm quốc dân của các thành phố.

V. Phí bảo hiểm sức khỏe quốc dân (thuế)

Phí bảo hiểm cùng với các loại tiền khác như tiền hỗ trợ từ nhà nước là tiền quan trọng trợ giúp cho bảo hiểm sức khỏe quốc dân. Hãy đóng đúng thời hạn.

1. Tính toán phí bảo hiểm

Phí bảo hiểm được tính dựa vào tuổi, thu nhập của năm trước đó, và số người tham gia tại thời điểm ngày 1 tháng 4 của hộ gia đình đó với đơn vị tính là 1 năm kể từ tháng 4 đến tháng 3 năm sau.

2. Biện pháp giảm nhẹ phí bảo hiểm

Những trường hợp như không có việc làm do công ty bị phá sản hay bị cắt hợp đồng, hoặc trường hợp người tham gia trong cùng hộ gia đình di chuyển sang chế độ y tế dành cho người cao tuổi hậu kỳ thì có thể được giảm nhẹ phí bảo hiểm.

Xin vui lòng liên hệ với các quầy chịu trách nhiệm bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

3. Khi gặp khó khăn trong việc đóng phí bảo hiểm

Khi việc đóng phí bảo hiểm gặp khó khăn do những lí do đặc biệt thì có thể đăng ký chia nhỏ số tiền phải đóng.

Xin vui lòng nhanh chóng trao đổi với các quầy chịu trách nhiệm bảo hiểm sức khỏe quốc dân.





VI. 国民健康保険（こくほ）で受けられる給付

医療機関等で保険証を提示すれば、その医療費の一部負担金を支払うだけで、医療を受けることができます。

1. 国民健康保険の医療給付が受けられる場合

- ① 病気や怪我による診察、治療、薬剤などの処方
- ② 病気や怪我による入院及び看護
- ③ 在宅診療（かかりつけ医の訪問診療）及び看護
- ④ 訪問看護（医師が必要と認めた場合）

2. 一部負担金の割合

一部負担金は年齢や所得によって異なります

- ① 0～6歳（義務教育就学前） 2割
- ② 7（義務教育就学後）～69歳 3割
- ③ 70歳～74歳 2割か3割

3. 国民健康保険の医療給付が受けられない場合

国民健康保険が適用されない治療を受けた場合は国民健康保険の医療給付が受けられません。

- ① 美容整形、歯科矯正、健康診断、予防接種、正常分娩など
- ② 犯罪行為や、故意に病気や怪我をした場合
- ③ けんかや泥酔による病気や怪我
- ④ 工作中的の病気や怪我
(労災保険の対象になります。)

VI. Trợ cấp được nhận từ bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Tại các cơ quan y tế, nếu bạn xuất trình thẻ bảo hiểm thì có thể nhận được dịch vụ y tế mà chỉ cần chi trả 1 phần tiền của phí y tế đó.

1. Những trường hợp được nhận trợ cấp y tế của Bảo hiểm sức khỏe quốc dân

- ① Các dịch vụ như thăm khám, trị liệu, thuốc v.v.. do bị bệnh hay bị thương
- ② Nhập viện do bị bệnh hoặc bị thương và hộ lí chăm sóc
- ③ Khám chữa bệnh tại nhà (bác sĩ liên quan sẽ tới khám chữa bệnh tại nhà) và hộ lí chăm sóc
- ④ Hộ lí thăm khám tại nhà (trường hợp được chấp thuận là cần bác sĩ)

2. Phần trăm số tiền chi trả

Số tiền phải chi trả dựa vào tuổi và thu nhập sẽ khác nhau

- ① 0～6 tuổi (trước nghĩa vụ giáo dục) 20%
- ② 7 (sau nghĩa vụ giáo dục)～69 tuổi 30%
- ③ 70～74 tuổi 20% hoặc 30%

3. Trường hợp không được nhận trợ cấp y tế của bảo hiểm sức khỏe quốc dân

Trường hợp đã nhận trị liệu mà không được bảo hiểm sức khỏe quốc dân chấp thuận thì sẽ không nhận được trợ cấp y tế từ bảo hiểm sức khỏe quốc dân.

- ① Phẫu thuật chỉnh hình, chỉnh răng, kiểm tra sức khỏe, tiêm phòng hay sinh nở v.v..
- ② Trường hợp hành vi phạm pháp hay cố ý bị bệnh hay làm bị thương.
- ③ Bị bệnh hay bị thương do đánh nhau hay say rượu.
- ④ Bị bệnh và bị thương trong khi làm việc
(đây là đối tượng của bảo hiểm lao động)

Memo

